

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày 03-02-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm N dân: Bà Nguyễn Xuân Thủy

Ông Hoàng Đình Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1998, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1968 (đã chết), và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/11/2020, tạm giam ngày 21/11/2020 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Hoàng N; tên gọi khác: **B**; sinh năm: 1994, tại Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh.; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (còn sống) và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1974, (còn sống); Vợ Tiêu Thị Kim H, sinh năm 1995; con có 01 người sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/11/2020; tạm giam ngày 21/11/2020 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 15/11/2020, tại ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh kết hợp với Công an xã K tiến hành bắt quả tang Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong bóp da của T 03 bạch nylon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong theo quy định ký hiệu M và một số tang vật liên quan đến việc sử dụng ma túy.

Quá trình điều tra xác định: vào lúc 20 giờ ngày 14/11/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Hoàng N nhờ N đi mua ma túy đem về cùng nhau sử dụng chung, N đồng ý. T đưa cho N số tiền 900.000 đồng để mua ma túy, N điều khiển xe mô tô biển số 70D1-544.78 đến khu vực ngã ba Mít Một thuộc phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh gặp người tên S (không rõ họ tên, địa chỉ) mua 03 bạch ma túy. Sau khi mua được ma túy, N đem về đưa cho T, T lấy 01 bạch đổ một ít ma túy vào dụng cụ rồi cùng với N sử dụng. Số ma túy còn lại T cất giấu để trong bóp da đem về nhà. Đến sáng ngày 15/11/2020, T điện thoại rủ N tiếp tục sử dụng ma túy, N biết là sẽ sử dụng số ma túy mà N mua ngày hôm qua và đồng ý, rồi hẹn T đến nhà của mình cùng nhau sử dụng. Sau đó, T nhờ bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972 là mẹ ruột của T chở đến nhà N. Khi đến nhà N, T mang theo bóp da có cất giấu 03 bạch ma túy mà N mua hôm qua, định lấy đem ra sử dụng thì bị bắt quả tang.

Kết luận giám định số 1833 ngày 17/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu thu giữ, ký hiệu M gửi đến giám định là chất ma túy, là loại Methamphetamine, khối lượng 0,7493 gam.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSCT ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về kê biên tài sản: do các bị can không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Trong vụ án này, đối tượng bán ma túy cho N do không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể nên không làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.:

Đối với xe mô tô, biển số 70D1-544.78 là xe của Trần Minh T cho T mượn xe, không biết sử dụng vào việc phạm tội nên không xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị K, mẹ ruột T khi chở T đến nhà N không biết T cất giấu ma túy trong người nên không xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, theo đúng nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tranh luận và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị HĐXX Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo N từ 18 tháng đến 24 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy một gói ma túy (đã niêm phong) Tịch thu sung quỹ nhà nước 2 điện thoại di động.

Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn hối hận cho việc làm sai trái của mình. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận: có hành vi cất giấu bất hợp pháp ma túy trong người loại Methamphetamine với trọng lượng như kết luận giám định là 0,7493 gam, nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, theo đúng nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội

đồng xét xử có cơ sở để kết luận: các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng N (B) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định độc quyền quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước; làm lan truyền tệ nạn nghiện hút, tiêm chích ma túy trong cộng đồng, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác trong xã hội. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Cả hai bị cáo đều là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người nghiện ma túy đã khởi xướng rủ rê bị cáo N, chuẩn bị tiền và phương tiện cho N đi tìm mua ma túy về để tàng trữ nhằm mục đích sử dụng. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo N.

Bị cáo N cũng là người nghiện ma túy, nghe theo lời rủ rê của bị cáo T đã thực hiện hành vi giúp sức đi mua ma túy về tàng trữ nhằm mục đích sử dụng chung với T, nên phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bản thân 2 bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, bị cáo N là đối tượng đã được giáo dục tại xã, phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không sửa đổi, các bị cáo lại thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để tiếp tục sử dụng chung.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản hay quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xét lời luận tội của vị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đưa ra đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội,

nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Tuy nhiên có xem xét cho bị cáo N mức án nhẹ hơn so với đề nghị của Viện Kiểm sát.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Một gói niêm phong, ghi vụ số 1833/KL-KTHS là chất ma túy Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Một điện thoại di động hiệu Nokia màu xám, của bị cáo N. Một điện thoại di động hiệu Nokia loại 1202, màu xanh của bị cáo T (đã qua sử dụng). Các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng N (Bình) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02 (Hai) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N (Bình) **01 (Một) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì thư ghi vụ số 1833/KL-KTHS được niêm phong, có dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh. có chữ ký của giám định viên Võ Quốc Thái và trợ lý giám định Lê Hồng Phúc

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1202, màu xanh, số Seri: 358291034407679 của bị cáo T (đã qua sử dụng); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám, số Imei1: 356027080972691/70; số Imei2: 356027081031042/70 của bị cáo N (đã qua sử dụng). (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021) giữa Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng N (Bình) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự C.A h.Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu